

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG
TP. HỒ CHÍ MINH
Số: /TTTS-ĐHNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

THÔNG TIN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NĂM 2026 (Dự kiến)
(tóm tắt)

Mã số tuyển sinh của Trường: NHS

TT	Tên chương trình, Ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã xét tuyển	Mã phương thức tuyển sinh	Tên phương thức tuyển sinh	Tổ hợp môn	Số lượng
	Tất cả các ngành; xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo		301	Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển		0-1%
A	Chương trình đại học chính quy (tiếng Anh bán phần), chương trình đào tạo đặc biệt (theo tiêu chuẩn Anh ngữ chất lượng quốc tế), chương trình tinh hoa (Elite Class)					
1	Tài chính-Ngân hàng (tiếng Anh bán phần) (Chương trình định hướng công nghệ tài chính và chuyển đổi số)	7340201T A	410	Phương thức 2: xét tuyển tổng hợp	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	1200
			401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, A04, A05	
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	

TT	Tên chương trình, Ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã xét tuyển	Mã phương thức tuyển sinh	Tên phương thức tuyển sinh	Tổ hợp môn	Số lượng
2	Kế toán (tiếng Anh bán phần) (Chương trình định hướng Digital Accounting)	7340301T A	410	Phương thức 2: xét tuyển tổng hợp	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	290
			401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, A04, A05	
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	
3	Quản trị kinh doanh (tiếng Anh bán phần) (Chương trình định hướng E. Business)	7340101T A	410	Phương thức 2: xét tuyển tổng hợp	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	400
			401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, A04, A05	
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	
4	Hệ thống thông tin quản lý (tiếng Anh bán phần)	7340405T A	410	Phương thức 2: xét tuyển tổng hợp	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	

TT	Tên chương trình, Ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã xét tuyển	Mã phương thức tuyển sinh	Tên phương thức tuyển sinh	Tổ hợp môn	Số lượng
			401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, A04, A05	120
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	
5	Kinh tế quốc tế (tiếng Anh bán phần)	7310106T A	410	Phương thức 2: xét tuyển tổng hợp	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	80
			401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A01, D07, D09, D10	
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	
6	Kinh doanh quốc tế (tiếng Anh bán phần) (mới)	7340120T A	410	Phương thức 2: xét tuyển tổng hợp	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	80
			401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A01, D07, D09, D10	

TT	Tên chương trình, Ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã xét tuyển	Mã phương thức tuyển sinh	Tên phương thức tuyển sinh	Tổ hợp môn	Số lượng
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	
7	Thương mại điện tử (tiếng Anh bán phần) (mới)	7340122T A	410	Phương thức 2: xét tuyển tổng hợp	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	80
			401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, A04, A05	
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	
8	Ngôn ngữ Anh Chương trình đào tạo đặc biệt (theo tiêu chuẩn Anh ngữ chất lượng quốc tế)	7220201D B	410	Phương thức 2: xét tuyển tổng hợp	A01, D01, D07, D09, D10	120
			401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A01, D07, D09, D10	
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A01, D01, D07, D09, D10	
9	Luật kinh tế (tiếng Anh bán phần)	7380107T A	410	Phương thức 2: xét tuyển tổng hợp	A00, A01, C01, C02, D01, D07	80
			401	Phương thức 3: xét tuyển	A01, A03, A07, D09	

TT	Tên chương trình, Ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã xét tuyển	Mã phương thức tuyển sinh	Tên phương thức tuyển sinh	Tổ hợp môn	Số lượng
				kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT		
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07	
			410	Phương thức 2: xét tuyển tổng hợp	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	
			401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, A04, A05	
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	
10	Tài chính-Ngân hàng chương trình tinh hoa (Elite Class) (mới) Thí sinh phải có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS 5.5 hoặc chứng chỉ tiếng Anh tương đương trở lên.	7340201E L				60
B	CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY QUỐC TẾ CẤP SONG BẰNG (Căn cứ theo Quyết định cho phép đào tạo của Bộ Giáo dục & Đào tạo: Số 2529/QĐ-BGDĐT ngày 03/09/2020; Quyết định số 516/QĐ-ĐHNH & Quyết định số 517/QĐ-ĐHNH ngày 26/02/2026)					
1	Quản trị kinh doanh (Chương trình Quản trị kinh doanh, Marketing, Quản lý chuỗi cung ứng, Tài chính do ĐH Greater Manchester (ĐH Bolton) Anh Quốc và HUB mỗi bên cấp một bằng cử nhân)	7340101S B	410	Phương thức 2: xét tuyển tổng hợp	A00,A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT		40
2	Tài chính - Ngân hàng (Chương trình Tài chính-Ngân hàng -Bảo hiểm do ĐH Toulon	7340201S B	410	Phương thức 2: xét tuyển tổng hợp	A00, A01, C01, C02, D01, D07,	

TT	Tên chương trình, Ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã xét tuyển	Mã phương thức tuyển sinh	Tên phương thức tuyển sinh	Tổ hợp môn	Số lượng
	Pháp và HUB mỗi bên cấp một bằng cử nhân)		100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	X02, X26	40
C	CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY CHUẨN					
1	Tài chính – Ngân hàng - Chương trình Tài chính - Chương trình Ngân hàng số và Chuỗi khối - Chương trình Tài chính định lượng và Quản trị rủi ro - Chương trình Tài chính và Quản trị doanh nghiệp	7340201	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, A04, A05	350
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	
2	Kế toán	7340301	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, A04, A05	150
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	
3	Quản trị kinh doanh	7340101	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, A04, A05	60
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	

TT	Tên chương trình, Ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã xét tuyển	Mã phương thức tuyển sinh	Tên phương thức tuyển sinh	Tổ hợp môn	Số lượng
4	Kiểm toán	7340302	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, A04, A05	60
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	
5	Kinh tế quốc tế - Chương trình Kinh tế quốc tế - Chương trình kinh tế và kinh doanh số	7310106	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A01, D07, D09, D10	120
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	
6	Marketing	7340115	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, D09, D10	120
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	
7	Công nghệ tài chính	7340205	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, A04, A05	120

TT	Tên chương trình, Ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã xét tuyển	Mã phương thức tuyển sinh	Tên phương thức tuyển sinh	Tổ hợp môn	Số lượng
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	
8	Kinh doanh quốc tế	7340120	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A01, D07, D09, D10	70
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	
9	Luật kinh tế	7380107	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A01, A03, A07, D09	122
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07	
10	Hệ thống thông tin quản lý	7340405	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, A04, A05	170
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	

TT	Tên chương trình, Ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã xét tuyển	Mã phương thức tuyển sinh	Tên phương thức tuyển sinh	Tổ hợp môn	Số lượng
11	Ngôn ngữ Anh - Chương trình Tiếng Anh thương mại - Chương trình Song ngữ Anh - Trung	7220201	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A01, D07, D09, D10	150
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A01, D01, D07, D09, D10	
12	Ngôn ngữ Trung Quốc (mới)	7220204	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A01, D07, D09, D10	80
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A01, D01, D07, D09, D10	
13	Khoa học dữ liệu	7460108	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, A04, A05	120
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	
14	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên	A00, A01, A04, A05	

TT	Tên chương trình, Ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã xét tuyển	Mã phương thức tuyển sinh	Tên phương thức tuyển sinh	Tổ hợp môn	Số lượng
				máy tính V-SAT		120
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	
15	Thương mại điện tử	7340122	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, A04, A05	60
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	
16	Luật	7380101	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A01, A03, A07, D09	60
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07	
17	Trí tuệ nhân tạo	7480107	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, A04, A05	110
			100	Phương thức 4: xét tuyển	A00, A01, C01, C02,	

TT	Tên chương trình, Ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã xét tuyển	Mã phương ng thức tuyển sinh	Tên phương thức tuyển sinh	Tổ hợp môn	Số lượng
				kết quả thi THPT	D01, D07, X02, X26	
18	Công nghệ thông tin (mới)	7480201	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V- SAT	A00, A01, A04, A05	60
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	
19	Bảo hiểm (mới) (Chương trình công nghệ bảo hiểm)	7340201	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V- SAT	A00, A01, A04, A05	60
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	
20	Quản trị khách sạn (mới) (Chương trình Quản trị du lịch, khách sạn và nhà hàng)	7810201	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V- SAT	A00, A01, A04, A05	60
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	
D	ĐHCQ QUỐC TẾ DO ĐỐI TÁC CẤP BẰNG <i>(Căn cứ theo Quyết định cho phép đào tạo của Bộ Giáo dục & Đào tạo: Số 2529/QĐ-BGDĐT ngày 03/09/2020; Quyết định số 516/QĐ-ĐHNH & Ouyết định số 517/QĐ-ĐHNH ngày 26/02/2026)</i>					

TT	Tên chương trình, Ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã xét tuyển	Mã phương thức tuyển sinh	Tên phương thức tuyển sinh	Tổ hợp môn	Số lượng
1	ĐHCQ quốc tế Ngành Quản trị kinh doanh (Chương trình Quản trị kinh doanh; Chương trình Quản trị Chuỗi cung ứng; Chương trình Marketing; Chương trình Tài chính do ĐH Greater Manchester (ĐH Bolton), Anh Quốc cấp bằng)	7340101QT	414	Phương thức 5	A00, A01, A03, A04, A05, A07, C01, C02, D01, D07, D09, D10, X02, X26	150
2	ĐHCQ quốc tế Ngành Tài chính - Ngân hàng (Chương trình Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm Do ĐH Toulon- Pháp cấp bằng)	7340201QT	414	Phương thức 5	A00, A01, A03, A04, A05, A07, C01, C02, D01, D07, D09, D10, X02, X26	60

Ghi chú:

- Sinh viên từ năm 2 có cơ hội đăng ký Chương trình cử nhân Pathway (du học chuyên tiếp)

+ Giai đoạn 1 - Học tại HUB

+ Giai đoạn 2 - Học tại nước ngoài; sinh viên chọn một trong các Đại học liên kết với HUB:

- Đại học Macquarie- Úc (Pathway 2+2),
- Đại học Griffith- Úc (Pathway 2+2),
- Đại học Adelaide, Úc (Pathway 2+2),
- Đại học Anglia Ruskin, Anh quốc (Pathway 2+1),
- Đại học EM Normandie, Pháp (Pathway 2+1);
- Đại học Portsmouth, Anh quốc (Pathway 2+1)
- Đại học Andrews, Mỹ (Pathway 3+1);
- Đại học Webster, Mỹ (Pathway 2+2);
- Đại học CityU, Mỹ (Pathway 2+2);
- Đại học Trent, Canada (Pathway 3+1)

- Mã phương thức xét tuyển: xem chi tiết tại Mục 1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh;

- Bảng tổ hợp môn:

A00: Toán, Vật lí, Hoá học	A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh
A03: Toán, Vật lí, Lịch sử	A04: Toán, Vật lí, Địa lí
A05: Toán, Hóa học, Lịch sử	A07: Toán, Lịch sử, Địa lí
D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh
D09: Toán, Lịch sử, Tiếng Anh	D10: Toán, Địa lí, Tiếng Anh
X02: Toán, Ngữ văn, Tin học	X26: Toán, Tiếng Anh, Tin học
C01: Toán, Ngữ văn, Vật lí	C02: Toán, Ngữ văn, Hóa học

Lưu ý:

- Không sử dụng điểm thi được bảo lưu theo quy định tại Quy chế xét công nhận tốt nghiệp THPT quốc gia để xét tuyển đối với phương thức dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026;

- Không quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển được nêu cụ thể tại nguyên tắc xét tuyển theo từng phương thức;

Các phương thức tuyển sinh

Phương thức 1: Phương thức xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và chính sách ưu tiên xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế tuyển sinh của Trường.

Phương thức 2: Phương thức xét tuyển tổng hợp của Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM là phương thức xét tuyển kết quả học tập, thành tích, năng khiếu đặc biệt bậc trung học phổ thông và chứng chỉ tiếng Anh.

Điều kiện xét tuyển:

Thí sinh tốt nghiệp THPT vào các năm 2026 và năm 2025,

- ✓ Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2025: có kết quả học tập cả năm lớp 10, 11 và lớp 12 đạt từ loại khá trở lên.
- ✓ Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2026: xem chi tiết ở mục Lưu ý chung

Cách thức tính điểm xét tuyển:

Điểm xét tuyển là Điểm quy đổi theo tổ hợp môn của 3 năm học lớp 10, 11, 12 cộng với Điểm quy đổi theo tiêu chí khác (nếu có) tại Bảng 1 và tổng điểm ưu tiên quy đổi (nếu có). Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực được quy đổi theo thang điểm 150.

Điểm quy đổi theo tổ hợp môn của 3 năm học = Điểm quy đổi (điểm TB theo tổ hợp lớp 10) + Điểm quy đổi (điểm TB theo tổ hợp lớp 11) + Điểm quy đổi (điểm TB theo tổ hợp lớp 12).

Điểm quy đổi theo tiêu chí khác (nếu có) = Điểm quy đổi chứng chỉ tiếng Anh quốc tế + Điểm quy đổi kỳ thi chọn học sinh giỏi (HSG) + Điểm quy đổi Trường chuyên/Năng khiếu + Điểm quy đổi (Mức đánh giá kết quả học tập cả năm đạt loại Tốt của lớp 10, lớp 11, lớp 12).

Bảng 1. Bảng điểm quy đổi và cộng điểm của Phương thức xét tuyển tổng hợp.

	Bảng điểm quy đổi xét tuyển theo trung bình tổ hợp môn đăng ký xét tuyển theo năm học				Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế			Giải thưởng kỳ thi chọn HSG cấp Quốc gia/Tỉnh/TP (từ Giải Ba trở lên)	Trường THPT Chuyên/Năng khiếu	Mức đánh giá kết quả học tập cả năm đạt loại Tốt					
	Điểm trung bình theo tổ hợp môn	ĐQ Đ	ĐQ Đ	ĐQĐ	IELTS (Academic)					Lớp 12	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12		
		Năm Lớp p 10	Năm Lớp 11	Năm Lớp 12											
					4.5	5.0	5.5	6.0-6.5	7.0+						
Điểm quy đổi	6.50 - 6.99	25	25	25	5.5	6.0	6.5	7.0	7.5	1	1	1	1.5	3	
	7.00 - 7.49	29	29	29											
	7.50 - 7.99	33	33	33											
	8.00 - 8.49	37	37	37											
	8.50 - 8.99	41	41	41											
	9.00 - 10.00	45	45	45											

Bảng 2. Bảng quy đổi chứng chỉ tiếng anh quốc tế theo IELTS được chấp nhận.
Trường chỉ nhận các loại chứng chỉ được liệt kê trong Bảng sau:

STT	Điểm tiếng Anh Quốc tế được quy đổi điểm	IELTS	Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (VSTEP)		TOEFL iBT	TOEFL ITP	APTIS ESOL
			Bậc	Điểm theo thang 10			

1	7.5	9.0	6		115-120		C2
		8.5			110-114		
		8.0			105-109	664-677	C1
		7.5	5	9.5-10	100-104	644-663	
		7.0		8.5-9.0	94-99	627-643	
2	7.0	6.5	4	8	77-93	586-626	B2
3		6.0		7.0-7.5	61-76	543-585	
4	6.5	5.5		6.0 – 6.5	46-60	500-542	
5	6.0	5.0	3	5.0 - 5.5	38-45	471-499	B1
6	5.5	4.5		4.0 – 4.5	30-37	450-470	

Lưu ý: Chỉ chấp nhận chứng chỉ VSTEP do Trung tâm Đào tạo và đánh giá năng lực Ngoại ngữ - Công nghệ thông tin của trường Đại học Ngân hàng TP.HCM cấp.

Phương thức 3: xét tuyển dựa vào kết quả điểm thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính V-SAT năm 2026

Điều kiện xét tuyển:

- Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2024 trở về trước: Thí sinh có kết quả học tập cả năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 đạt từ 6.5 trở lên;
- Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2025: kết quả học tập cả năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 đạt từ loại khá trở lên.
- Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2026: xem chi tiết ở mục Lưu ý chung.
- Thí sinh được tham gia nhiều đợt thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính V-SAT do Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM tổ chức.
- Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM chấp nhận kết quả thi V-SAT của các đơn vị ký kết tổ chức thi, công nhận và sử dụng chung kết quả kỳ thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính V-SAT với trường Đại học Ngân hàng TP.HCM (danh sách đính kèm).
- Điểm xét tuyển là điểm cao nhất theo môn của các đợt thi trong tất cả các đơn vị tổ chức thi V-SAT.
- Kết quả thi của các đợt thi trong năm chỉ được xét tuyển vào đúng năm tuyển sinh và đúng thời gian quy định nhận hồ sơ xét tuyển đại học theo phương thức này.

Phương thức 4: Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026

Điều kiện xét tuyển: Trường sẽ thông báo ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào đối với từng ngành xét tuyển sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026

Phương thức 5: Phương thức xét tuyển học bạ THPT và phỏng vấn

(Áp dụng cho chương trình đại học chính quy quốc tế do đối tác cấp bằng)

+ Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2024 trở về trước: Thí sinh có kết quả học tập cả năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 đạt từ 6.5 trở lên;

+ Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2025: kết quả học tập cả năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 đạt từ loại khá trở lên.

Tham khảo thông tin chi tiết tại website <https://saigonisb.hub.edu.vn/cunhan/cu-nhan-quoc-te/>

+ Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2026: xem chi tiết ở mục Lưu ý chung.

Lưu ý chung:

- Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2026 đăng ký xét tuyển ở các phương thức (phương thức 2,3,4,5) có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT (kỳ thi trung học nghề đối với đối tượng trung học nghề) các năm theo tổ hợp xét tuyển đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30.

- Đối với ngành luật, luật kinh tế, luật kinh tế (tiếng Anh bán phần):

+ Thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2025 trở về trước đối với phương thức 2 và phương thức 3: tổng điểm xét tuyển tối thiểu là 18 điểm (tính theo thang điểm 30). Các tổ hợp xét tuyển có môn Toán và Ngữ văn, hoặc Toán, hoặc ngữ văn phải đạt tối thiểu 6 điểm trở lên (theo thang điểm 10, đối với các phương thức khác, điểm môn toán và văn được quy đổi về thang điểm 10 tương ứng).

+ Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2026: Ngưỡng đầu vào đối với phương thức xét điểm thi tốt nghiệp THPT (phương thức 4) sẽ được trường công bố theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ngưỡng đầu vào đối với phương thức không phải xét điểm thi tốt nghiệp THPT (phương thức 2,3) : kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển đạt 18,00 điểm trở lên (các tổ hợp xét tuyển có môn Toán và Ngữ văn, hoặc Toán, hoặc Ngữ văn phải đạt tối thiểu 6 điểm trở lên (theo thang điểm 10, điểm môn toán và văn được quy đổi về thang điểm 10 tương ứng) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8,50 trở lên.

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:

6.1. Chương trình đại học chính quy (Bao gồm ĐHCQ (đại học chính quy) chuẩn, ĐHCQ (tiếng Anh bán phần), ĐHCQ (chương trình đào tạo đặc biệt), ĐHCQ Lớp học Elite Class, ĐHCQ Quốc tế song bằng).

Phòng Tuyển sinh và truyền thông

Địa chỉ:

- Tầng trệt, 36 Tôn Thất Đạm, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

- Nhà Hiệu bộ, 56 Hoàng Diệu 2, phường Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.38.211.704 - 028.38.212.430 - 028.38.971.638 - 028.38.971.652

Hotline chương trình ĐHCQ chuẩn: 0888 35 34 88

Hotline chương trình ĐHCQ (tiếng Anh bán phần) và ĐHCQ (chương trình đào tạo đặc biệt): 0909 69 12 69

Hotline ĐHCQ Lớp học Elite Class: 028.38.212.430 - 028.38.971.638

Hotline chương trình ĐHCQ Quốc tế song bằng: 0865 118 128

Website:

<http://tuyensinh.hub.edu.vn/>

<http://clc.hub.edu.vn> (Chương trình tiếng Anh bán phần và chương trình đào tạo đặc biệt ngành Ngôn ngữ Anh)

<http://saigonisb.hub.edu.vn/cunhan> (Chương trình quốc tế song bằng)

Email: tuvantuyensinh@hub.edu.vn

Facebook: <https://www.facebook.com/tuyensinhdaihocnganhang/>

Youtube: HUB Channel

6.2. Chương trình ĐHCQ Quốc tế do đối tác cấp bằng và Cử nhân Pathway

Viện Đào tạo Quốc tế

Địa chỉ: 39 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028. 38214660 (Ext 102,107)

Hotline: 0865 118 128

Website: <http://saigonisb.hub.edu.vn/cunhan>

Email: saigonisb.ba@hub.edu.vn

Facebook: @saigonisb.hub

6.3. Liên hệ tư vấn và đăng ký thi Đánh giá đầu vào đại học trên máy tính V-SAT do Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh, thi chứng chỉ ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam (VSTEP)

- Trung tâm Đào tạo và đánh giá năng lực Ngoại ngữ - Công nghệ thông tin

Cơ sở 1: 39 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh; *ĐT: 028 38 214 055;*
Hotline: 090 990 1277

Cơ sở 2: 56 Hoàng Diệu 2, phường Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh; *ĐT: 028 38 971*
649

Email: info@flic.edu.vn; Website: <https://flic.edu.vn/>;

Facebook: <https://www.facebook.com/flic.edu/>

+ Truy cập để biết thêm thông tin về kỳ thi Đánh giá đầu vào đại học trên máy
tính V-SAT tại <https://flic.edu.vn/> hoặc <https://vsat.hub.edu.vn/>

+ Truy cập để biết thêm thông tin về kỳ thi chứng chỉ ngoại ngữ theo khung năng
lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam (VSTEP) <https://flic.edu.vn>